

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/KDTM-PT

Ngày: 06 - 4 - 2021

*V/v Tranh chấp Hợp đồng
kinh doanh thương mại.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Dụ

Bà Trần Thanh Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hường - Thư ký Tòa án ND tỉnh Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hoà Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 06/2020/TLPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2020 về việc kiện Tranh chấp Hợp đồng kinh doanh thương mại. Do bản án sơ thẩm số 07/2020/KDTM-ST ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2021/QĐXX-PT ngày 09 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần dược phẩm T

Địa chỉ: P2011, tầng 20, tòa Five Season, 47 Nguyễn T, quận Thanh X, thành phố Hà Nội. (Địa chỉ theo bản án sơ thẩm: Phòng 1207, nhà 17 T9, khu Đô Thị Mới Trung Hòa - Nhân chính, phường N, quận Thanh X, thành phố Hà Nội).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Văn Q - Giám đốc

Người được ủy quyền: Ông Đỗ Anh T – Quản lý kinh doanh Công ty Cổ phần dược phẩm T; “có mặt”

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Đình H và Luật sư Lê Thị Thu H – Công ty Luật TNHH H – Thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Bệnh viện Đa khoa tỉnh H.

Địa chỉ: Số 3, tổ 10, phường Đồng T, thành phố HB, tỉnh H;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng D -Giám đốc.

Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc Anh S – Phó trưởng phòng Tài chính kế toán Bệnh viện Đa khoa tỉnh H; “có mặt”

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Thanh H và Luật sư Nguyễn Hữu T – Công ty Luật H – Thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. “có mặt”

- Người kháng cáo: Bị đơn Bệnh viện Đa khoa tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn Công ty cổ phần dược phẩm Thiên Sơn trình bày:

Năm 2013 và 2014, Bệnh viện đa khoa tỉnh H (gọi tắt là Bệnh viện) và Công ty cổ phần dược phẩm T (gọi tắt là Công ty) ký kết 02 Hợp đồng số 1810/HĐTM ngày 01/11/2013 lắp đặt 02 máy chạy thận nhân tạo và Hợp đồng 1688/HĐTM ngày 24/11/2014 lắp đặt 03 máy chạy thận nhân tạo (gọi tắt là Hợp đồng 1810 và 1688). Tổng cộng 02 hợp đồng là 05 máy đều có nhãn hiệu FRESINIUS 4008S thế hệ mới do Đức sản xuất. Nội dung của 02 Hợp đồng, Công ty đầu tư toàn bộ máy chạy thận nhân tạo và cung cấp một số vật tư tiêu hao liên quan đến ca chạy. Bệnh viện có trách nhiệm bố trí phòng đặt máy đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; bảo quản, sử dụng và vận hành thiết bị đúng chức năng, đúng hướng dẫn kỹ thuật theo hướng dẫn của Công ty; chịu trách nhiệm về chuyên môn, khai thác thiết bị phục vụ bệnh nhân, quản lý và thu tiền khai thác thiết bị theo mức giá quy định hiện hành về chính sách viện phí của Nhà nước; cử bác sỹ điều dưỡng, kỹ thuật viên tham gia học cách sử dụng máy chạy thận nhân tạo và các vấn đề khác liên quan đến người bệnh. Thời hạn thực hiện Hợp đồng tối thiểu là 60 tháng/1máy. Số lần chạy tối thiểu của 01 máy trong một tháng là 76 lần chạy ($76 \times 60 = 4.560$ ca); Số lần chạy tối thiểu của 05 máy trong 60 tháng ($4.560 \times 5 = 22.800$ ca). Trong thời gian thực hiện hợp đồng chưa hết thời hạn 60 tháng mà mỗi máy chạy thận đã đạt đủ (4560 ca/1 máy) thì hai bên sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng trước thời hạn. Trong trường hợp hết thời hạn 60 tháng mà máy vẫn chưa thực hiện đủ số ca theo quy định thì Công ty sẽ gia hạn thêm cho Bệnh viện thêm 03 tháng để hoàn thành số ca còn lại. Nếu hết thời hạn gia hạn 03 tháng Bệnh viện chưa thực hiện xong tổng số ca chạy thận cho các máy thì hai bên cũng phải thanh lý Hợp đồng, Bệnh viện thanh toán toàn bộ giá trị ca chạy thận qui định trong Hợp đồng, 05 máy chạy thận sẽ thuộc về quyền sở hữu của Bệnh viện;

Về phương thức thanh toán: Hai bên thống nhất chốt ca chạy thận theo tháng, Bệnh viện có nghĩa vụ xác nhận các ca chạy thận đã thực hiện trong tháng và thanh toán tiền cho Công ty;

Về đơn giá thanh toán: Số tiền thanh toán giá trị 01 ca chạy thận là 7,7 USD được thanh toán bằng tiền Việt Nam đồng quy đổi theo tỷ giá đồng đô la Mỹ bán ra của Vietcombank (Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam) tại thời điểm thanh toán;

Về chế độ bảo hành, bảo trì: Công ty có trách nhiệm bảo hành thiết bị 24 tháng và bảo trì để đảm bảo hoạt động hiệu quả trong suốt thời gian cho thuê máy. Trong thời gian đặt máy không được tự ý tháo dỡ, sửa chữa thiết bị nếu không có sự đồng ý của Công ty. Công ty không chịu trách nhiệm chi phí sửa chữa do lỗi của Bệnh viện gây ra. Trong thời gian hợp tác (thực hiện 02 hợp đồng) Bệnh viện không được liên kết hình thức tương tự với đơn vị khác. Nếu Bệnh viện có khả năng kinh phí và Công ty không có nhu cầu tiếp tục hợp tác liên doanh, liên kết thì hai bên có thể xem xét thanh lý cho Bệnh viện. Thời hạn thực hiện Hợp đồng tối thiểu là 60 tháng và không được “Hủy ngang” trong suốt thời gian hiệu lực Hợp đồng.

Ngay sau khi các Hợp đồng có hiệu lực Công ty đã tiến hành bàn giao lắp đặt cùng tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng để Bệnh viện sử dụng theo đúng nội dung Hợp đồng. Bệnh viện vận hành khai thác máy ổn định từ thời điểm bàn giao. Đến nay, Công ty xác nhận Bệnh viện đã thanh toán giá trị số ca đã chạy đến hết tháng 5/2017.

Hợp đồng 1810 có giá trị 9.120 ca máy, đến ngày 29/5/2019 Bệnh viện đã thực hiện và thanh toán cho Công ty Thiên Sơn giá trị của 7326 ca máy. Số ca Bệnh viện còn phải trả Công ty Thiên Sơn của Hợp đồng này là 1.794 ca máy.

Hợp đồng 1688 có giá trị là 13.680 ca máy, đến ngày 29/5/2019 Bệnh viện đã thực hiện và thanh toán cho Công ty giá trị của 7.629 ca máy. Số ca Bệnh viện còn phải trả Công ty của Hợp đồng này là 6.051 ca máy.

Trong quá trình thực hiện 02 Hợp đồng, ngày 29/5/2017 tại Bệnh viện xảy ra sự cố y khoa làm 8 bệnh nhân tử vong và 10 bệnh nhân bị ảnh hưởng do Bệnh viện tự ý sử dụng nguồn nước trong quá trình sửa chữa hệ thống RO số 2 chưa nghiệm thu bàn giao theo Hợp đồng số 315/TS-BVĐKT ký ngày 25/5/2017 (gọi tắt là Hợp đồng số 315) giữa Công ty và Bệnh viện. Do vậy, 18 máy chạy thận của Bệnh viện trong đó có 05 máy thận nhân tạo của 02 Hợp đồng 1810 và 1688 đều bị niêm phong, để phục vụ cho quá trình điều tra từ ngày 29/5/2017 đến ngày 05/7/2017 (36 ngày).

Kết luận giám định số: 2730 và 2777/C54-P6 ngày 26/6/2017 của Viện khoa học hình sự, Tổng cục Cảnh sát kết luận: “Trong 18 máy lọc thận nhân

tạo (có 05 máy của Công ty) đều hoạt động bình thường”. Như vậy, máy thận nói trên hoàn toàn đảm bảo chất lượng và nguyên nhân gây ra sự cố y khoa không phải từ máy thận.

Sau khi được Cơ quan điều tra bàn giao niêm phong máy thận cho Bệnh viện, Bệnh viện tiến hành hoạt động trở lại nhưng không thông báo cho Công ty biết. Công ty không biết Bệnh viện đã thực hiện được bao nhiêu ca chạy thận kể từ khi đưa máy trở lại hoạt động. Sau nhiều lần liên hệ, đàm phán Bệnh viện đã chấp thuận để nhân viên của Công ty đến Bệnh viện tiếp tục làm việc chốt ca chạy thận theo hợp đồng. Hai bên đã lập danh sách và ký xác nhận số ca đã chạy thận từ ngày 01/8/2017 đến ngày 31/8/2018 của 02 Hợp đồng là 201 ca; từ ngày 01/9 đến ngày 13/9/2018 nhân viên của Công ty theo dõi lập danh sách được 87 ca đã chạy thận nhưng Bệnh viện chưa ký xác nhận.

Ngày 23/8/2018 trong khi Bệnh viện tái khởi động lại việc chạy thận cho bệnh nhân thì có 01 máy chạy thận (ký hiệu số 15) bị lỗi màn hình trong quá trình vận hành, Bệnh viện thông báo và lập biên bản bàn giao cho Công ty đem máy về Hà Nội để bảo dưỡng và sửa chữa. Sau khi sửa chữa xong, Công ty Thiên Sơn bàn giao lại máy, nhưng Bệnh viện từ chối không nhận. Hiện nay Công ty đang tự quản lý và bảo quản máy này.

Khi Công ty yêu cầu thanh toán các ca thận đã chạy nhưng Bệnh viện không thanh toán, nên ngày 04/10/2018 ông Lê Xuân H - Giám đốc Bệnh viện đã làm việc với Công ty và lập biên bản làm việc với nội dung: “Thống nhất về số ca máy đã chạy theo hợp đồng, giao cho bác sỹ đơn nguyên thận nhân tạo chịu trách nhiệm tổng hợp và phối hợp với Công ty xác định số ca đã chạy”; “Nhất trí thanh toán cho Công ty đối với số ca đã chạy thực tế được Bệnh viện và đã xác nhận”; Xem xét lại các điều khoản của hợp đồng hợp tác giữa Bệnh viện và Công ty”; “Hai bên thống nhất thay đổi nội dung Điều 1.3 và Điều 2.2 theo Thông tư số: 58/2016”; “Hai bên trao đổi đề xuất và phương thức thương thảo để thanh lý chấm dứt hợp đồng trước thời hạn”.

Mặc dù đã có biên bản thỏa thuận ngày 04/10/2018 nhưng Bệnh viện không thực hiện. Sau nhiều lần Công ty yêu cầu đối chiếu công nợ và thanh toán tiền các ca đã chạy thì Bệnh viện đã không hợp tác và tự ý tháo máy chạy thận của 02 hợp đồng nói trên, không sử dụng. Công ty đã gửi các Công văn số 2802/2019- CV-TS ngày 28/02/2019; 3007/2019/CV-TS ngày 30/7/2019; số 2705/2020/CV-TS ngày 27/5/2020 yêu cầu Bệnh viện thực hiện đúng hợp đồng và bảo quản máy đúng quy cách vì máy chạy thận là thiết bị y tế có độ chính xác cao cần bảo quản ở môi trường có nhiệt độ phù hợp và có máy hút ẩm nhưng Bệnh viện không thực hiện.

Nhận thấy, Bệnh viện vi phạm 02 Hợp đồng 1810 và 1688 đã quá 60 tháng và tự ý tháo máy thận nhân tạo di chuyển khỏi vị trí ban đầu. Vì vậy, Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Bệnh viện thực hiện nghiêm túc Hợp đồng vì đây là Hợp đồng có điều khoản “không hủy ngang”. Trường hợp Bệnh viện không tiếp tục thực hiện các Hợp đồng thì Công ty yêu cầu Bệnh viện phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ giá trị ca chạy theo đúng quy định của 02 Hợp đồng và thanh lý 02 Hợp đồng (1810 và 1688).

Bị đơn, Bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình trình bày:

Bệnh viện xác nhận, có ký 02 Hợp đồng 1810 và 1688 với Công ty và đã thực hiện 02 Hợp đồng từ thời điểm bàn giao. Đồng thời xác nhận 02 Hai hợp đồng này không liên quan đến Hợp đồng số 315 giữa Bệnh viện và Công ty về việc sửa chữa hệ thống RO2 mà chỉ liên quan đến việc vận hành hệ thống RO số 2. Tuy nhiên, ngày 29/5/2017 tại Bệnh viện đã xảy ra sự cố y khoa nghiêm trọng làm 08 người chết. Khi sự cố xảy ra, các cơ quan pháp luật đã tiến hành khởi tố, điều tra truy tố, xét xử để làm rõ vụ án. Trong suốt quá trình tố tụng, Bệnh viện phải ngừng chạy thận để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử. Do vậy, tất cả các máy chạy thận phải ngừng hoạt động trong đó có 05 máy của Công ty. Chính vì vậy, suốt thời gian này không phát sinh ca máy nào và cả hai bên cũng không có văn bản tổng kết số ca hàng tháng theo quy định của 2 Hợp đồng. Tháng 4/2018 Bệnh viện tiếp tục thực việc chạy thận nhưng không đưa máy thận của Công ty vào sử dụng là do văn bản số 466/SYT-NVY ngày 28/3/2018 của Sở y tế Hòa Bình có nội dung hạn chế số máy chạy thận nhân tạo; Bệnh viện nhận thấy 02 hợp đồng trên là vô hiệu nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ nữa; không đảm bảo hiệu quả kinh tế; không đảm bảo lợi ích người bệnh và của Bệnh viện do đơn giá của hợp đồng quá cao so với các đơn vị khác. Do vậy, Công ty không có căn cứ để yêu cầu Bệnh viện phải thanh toán tiền máy chạy thận của 02 Hợp đồng nêu trên như yêu cầu khởi kiện của Công ty. Do các hợp đồng trên không phù hợp với quy định của pháp luật, vô hiệu toàn bộ do nội dung vi phạm điều cấm của pháp luật và đạo đức xã hội. Bệnh viện đề nghị Tòa án tuyên 02 Hợp đồng 1810 và 1688 vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Ngày 21/01/2020 Bệnh viện có đơn phản tố đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty phải bồi thường thiệt hại cho Bệnh viện trong việc thực hiện Hợp đồng số 315 thực hiện gói thầu cung cấp vật tư sửa chữa hệ thống nước RO2 cho Bệnh viện với tổng số tiền là 2.462.483.500 đ (Hai tỷ bốn trăm sáu hai triệu bốn trăm tám ba nghìn năm trăm đồng).

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm số 07/2020/KDTM-ST ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình đã quyết định:

“ Căn cứ vào các Điều 504; 505; 506; 507 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự (2015); Điều 303 của Luật Thương mại (2005); Điều 30; 31; 35; 39; 144; 147; 157 và 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty về yêu cầu Bệnh viện thanh toán tiền theo hợp đồng và thanh lý 2 Hợp đồng số:1810/HĐTM ngày 01/11/2013 và Hợp đồng số:1688/HĐTM ngày 24/11/2014.

2. Buộc Bệnh viện phải thanh toán toàn bộ giá trị 7.845 ca máy chạy thận chưa thanh toán tương đương với số tiền là 1.406.263.320đ (Một tỷ bốn trăm linh sáu triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm hai mươi đồng) cho Công ty.

3. Bác toàn bộ yêu cầu phản tố nghĩa vụ bù trừ của Bệnh đối với Công ty về việc bồi thường thiệt hại số tiền là 2.462.483.500đ (Hai tỷ bốn trăm sáu hai triệu bốn trăm tám ba nghìn năm trăm đồng) đối với Hợp đồng số: 315/TS-BVĐKT ký ngày 25/5/2017.

4. Bác toàn bộ yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với 2 Hợp đồng số:1810/HĐTM ngày 01/11/2013 và Hợp đồng số:1688/HĐTM ngày 24/11/2014 của Bệnh viện.

5. Công ty cổ phần dược phẩm Thiên Sơn có trách nhiệm bàn giao 05 máy thận nhân tạo của Hợp đồng số:1810/HĐTM ngày 01/11/2013 và Hợp đồng số:1688/HĐTM ngày 24/11/2014 cho Bệnh viện khi đã thanh toán đủ số tiền là 1.406.263.320 đồng cho Công ty

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí thẩm định, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26 tháng 10 năm 2020 bị đơn Bệnh viện kháng cáo với nội dung:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tuyên bố hai hợp đồng số 1810/HĐTM và hợp đồng số 1688/HĐTM về việc đặt máy chạy thận nhân tạo giữa Công ty và Bệnh viện vô hiệu, căn cứ vào các điều 117,122,123,132,407 và 688 luật Dân sự năm 2015;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn căn cứ vào khoản 4 Điều 72, điểm b, khoản 1 điều 92, điểm a khoản 2 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1, khoản 3 điều 12 nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a, khoản 8 điều 80, khoản 1 điều 90 Luật đấu thầu năm 2013; điều 124 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; điều 283 và điều 360, 370, 419, Bộ luật dân sự năm 2015 và điều 303 Luật Thương mại 2005.

Đề nghị Tòa án phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308, điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử theo hướng sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố, các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án, Bệnh viện giữ nguyên nội dung kháng cáo. Nguyên đơn và bị đơn giữ nguyên nội dung đã trình bày tại giai đoạn sơ thẩm.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Sau sự cố y khoa xảy ra ngày 29/5/2017, Đơn nguyên thận nhân tạo bị niêm phong để phục vụ công tác điều tra và được giao lại cho Bệnh viện, sau đó Bệnh viện phải sửa chữa, cải tạo lại hệ thống nước RO mới sử dụng được (thời hạn là 10 tháng), do vậy Tòa án cấp sơ thẩm buộc Bệnh viện phải thanh toán 100% số ca chạy thận của 05 máy trong thời gian này là không đúng, vì lỗi dừng chạy máy là của hai bên trong đó lỗi phần nhiều thuộc về Bệnh viện phải chịu 70% và Công ty chịu 30%. Mặt khác, 01 máy chạy thận (ký hiệu số 15) sau khi chạy lại bị hỏng thuộc hợp đồng 1810 do vậy Bệnh viện không phải thanh toán tiền của máy này.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự. Sửa phần nghĩa vụ thanh toán của Bệnh viện tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/KDTM-ST ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình.

- Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố để bù trừ nghĩa vụ với nguyên đơn đúng với quy định tại Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết nội dung phản tố, chưa xác minh làm rõ các vấn đề có liên quan đến yêu cầu phản tố của Bệnh viện, việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, dẫn đến phán quyết của Tòa án là chưa đủ cơ sở vững chắc, không phù hợp với quy định của pháp luật, gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự hủy một phần bản án sơ thẩm số 07/2020/KDTM-ST ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình (phần quyết định: Bác toàn bộ yêu cầu phản tố nghĩa vụ bù trừ của Bệnh viện đối với Công ty cổ phần dược phẩm Thiên Sơn về việc bồi thường thiệt hại số tiền là 2.462.483.500 đồng đối với Hợp đồng số: 315/TS-BVĐKT ký ngày 25/5/2017). Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình giải quyết lại phần yêu cầu của Bệnh viện theo thủ tục sơ thẩm.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định bị đơn Bệnh viện đa khoa tỉnh Hoà Bình có đơn kháng cáo hợp lệ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung kháng cáo của Bệnh viện đa khoa tỉnh Hoà Bình:

[2.1]. Quyền khởi kiện của Công ty.

Trong quá trình giải quyết vụ án, theo lời trình bày của Bệnh viện thì Công ty đã ngừng kinh doanh từ ngày 15/7/2019 đến nay vẫn chưa hoạt động lại do vậy không có quyền khởi kiện.

Căn cứ theo Điều 200 Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định về tạm ngừng kinh doanh thì có 2 trường hợp tạm ngừng kinh doanh như sau:

1. Doanh nghiệp có quyền tạm ngừng kinh doanh nhưng phải thông báo bằng văn bản về thời điểm và thời hạn tạm ngừng hoặc tiếp tục kinh doanh cho Cơ quan đăng ký kinh doanh chậm nhất 15 ngày trước ngày tạm ngừng hoặc tiếp tục kinh doanh.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi phát hiện doanh nghiệp không có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiên Sơn hoạt động theo Luật doanh nghiệp có đầy đủ quyền và nghĩa vụ của một doanh nghiệp. Do vậy khi Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiên Sơn có tạm ngừng kinh doanh thì cũng không làm mất đi quyền và nghĩa vụ của pháp nhân cũng như quyền khởi kiện, là phù hợp với Điều 13 Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2]. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tuyên bố 02 hợp đồng số 1810/HĐTM và hợp đồng số 1688/HĐTM về việc đặt máy chạy thận nhân tạo giữa Công ty và Bệnh viện vô hiệu.

Công ty và Bệnh viện ký kết 02 Hợp đồng kinh tế số 1810 và 1688, các chủ thể tham gia ký kết hợp đồng là giữa pháp nhân với pháp nhân đều có đủ năng lực chịu trách nhiệm về nội dung thỏa thuận trong giao kết hợp đồng, không vi phạm điều cấm của pháp luật và đạo đức xã hội. Nội dung hợp đồng được ký kết trên cơ sở hướng dẫn của Thông tư số 15/2007/TT-BYT ngày 12/12/2007 của Bộ y tế; Đề án Bệnh viện đã xây dựng và kết quả các cuộc họp liên tịch của Bệnh viện. Trong quá trình thực hiện (từ khi lắp đặt, bàn giao máy đến ngày 29/5/2017) các hợp đồng đã được thực hiện và thanh toán trên 50%

giá trị, phía Bệnh viện không có ý kiến gì về các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng.

Bệnh viện cho rằng 02 Hợp đồng số 1810 và 1688 thuộc hợp đồng “Cho thuê tài chính” dẫn đến vi phạm điều cấm của pháp luật và đạo đức xã hội nên vô hiệu hoàn toàn là không đúng với nội dung của hợp đồng. Ấn sơ thẩm xác định 02 Hợp đồng là “Hợp đồng hợp tác”, không vô hiệu là có căn cứ pháp luật bởi lẽ:

Căn cứ vào các Điều 504; Điều 505; Điều 506 và Điều 507 của Bộ luật dân sự (2015) xác định Hợp đồng hợp tác là sự thỏa thuận giữa các cá nhân, pháp nhân về việc cùng đóng góp tài sản, công sức để thực hiện công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm; Được hưởng hoa lợi, lợi tức thu được từ hoạt động hợp tác; Tham gia quyết định các vấn đề liên quan đến thực hiện hợp đồng hợp tác, giám sát hoạt động hợp tác; Bồi thường thiệt hại cho các thành viên hợp tác khác do lỗi của mình gây ra; Thực hiện quyền, nghĩa vụ khác theo hợp đồng.

Tại khoản 8 mục IV của Thông tư số 15/2007/TT-BYT ngày 12/12/2007 của Bộ y tế cũng đã nêu “*Đơn vị và bên đối tác phải căn cứ vào đề án, vào các quy định của pháp luật về hợp đồng kinh tế để xây dựng và ký kết hợp đồng liên doanh, liên kết, hợp tác trên nguyên tắc phải hết sức chặt chẽ, bảo vệ quyền lợi cho người bệnh và đơn vị*”.

Tại khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 quy định về Điều khoản chuyển tiếp: Đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật này có hiệu lực thì việc áp dụng pháp luật được quy định như sau: “*b) Giao dịch dân sự chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật này*”;

Do vậy, Bệnh viện phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo quy định trong Hợp đồng 1810 và 1688 cho Công ty Thiên Sơn. Công ty phải có trách nhiệm thanh lý hợp đồng và bàn giao 05 máy chạy thận của 02 hợp đồng 1810 và 1688 cho Bệnh viện sở hữu là có căn cứ.

Tuy nhiên, Hợp đồng 1810 ký có hiệu lực thi hành từ ngày 01/11/2013. Hợp đồng 1688/HĐTM-TS.2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 24/11/2014, quá trình thực hiện 02 Hợp đồng đến ngày 29/5/2017 không có trở ngại khách quan gì. Công ty xác nhận Bệnh viện đã thanh toán giá trị số ca đã chạy đến hết tháng 5/2017. Ngày 29/5/2017 tại Bệnh viện xảy ra sự cố y khoa làm 8 bệnh nhân tử vong và 10 bệnh nhân bị ảnh hưởng liên quan đến sự cố là Hợp đồng số 315 giữa Công ty Thiên Sơn và Bệnh viện về việc sửa chữa hệ thống RO số 2. Do vậy, 18 máy có 05 máy thận nhân tạo của 02 Hợp đồng 1810 và 1688 đều bị niêm phong, để phục vụ cho quá trình điều tra từ ngày 29/5 đến ngày 05/7/2017

và sau đó được trả lại cho Bệnh viện, nhưng thực tế Bệnh viện còn phải sửa chữa, cải tạo lại hệ thống nước RO mới đem vào sử dụng được, theo hồ sơ xác định từ tháng 4/2018 (thể hiện Công ty có văn bản ngày 09/8/2018 gửi Bệnh viện đề nghị thanh toán số tiền từ khi chạy máy 4/2018 là 272.844.000đ trong đó hợp đồng 1810 là 109.137.600đ, và hợp đồng 1688 là 163.706.400đ - BL 35).

Án sơ thẩm buộc Bệnh viện phải thanh toán 100% 05 máy chạy thận trong thời gian này (10 tháng) là không đúng pháp luật, cần được xem xét đến các yếu tố trên để xác định đúng số tiền Bệnh viện phải thanh toán cho Công ty, cụ thể như sau:

- Theo nội dung đã ký kết trong hợp đồng thì số ca chạy tối thiểu là 76 ca/máy/ tháng do vậy tổng số ca của 05 máy trên 10 tháng sẽ là $760 \text{ ca/máy} \times 05 \text{ máy} = 3.800 \text{ ca} \times 179.256\text{đ/ca} = 681.172.256 \text{ đồng}$. Xác định việc phải dừng chạy máy này có lỗi của hai bên trong đó lỗi chủ yếu đã được xác định tại bản án hình sự là Bệnh viện, do vậy Công ty cũng phải chịu 30% lỗi = 204.351.676 đồng.

- Đồng thời, trong quá trình Bệnh viện sử dụng lại máy, phát sinh việc 01 máy chạy thận (ký hiệu số 15) thuộc hợp đồng số 1810 có lỗi màn hình (không xác định rõ ngày bị hư hỏng). Bệnh viện đã phải liên lạc đề nghị Công ty cử kỹ thuật lên sửa chữa nhưng không được và ngày 23/8/2018 thì Công ty đã có biên bản lấy máy về sửa chữa, tại phiên tòa Công ty có ý kiến là đã đem trả lại máy cho Bệnh viện nhưng trong hồ sơ không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện, điều đó thể hiện máy chạy thận này không được đưa vào sử dụng do lỗi kỹ thuật do vậy Bệnh viện không phải thanh toán số ca chạy máy còn lại như hợp đồng đã ký, cụ thể số tiền được tính là: Tổng số ca của 02 máy trong hợp đồng 1810 là 1794 ca (mỗi máy là 897 ca) trong đó máy số 15 đã xác định 760 ca không chạy phải chịu lỗi, còn lại $137 \text{ ca} \times 179.256 \text{ đ/ca} = 24.558.072 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền của 02 hợp đồng Bệnh viện phải thanh toán còn là $1.406.263.320 \text{ đồng} - 204.351.676 \text{ đồng} - 24.558.072 \text{ đồng} = 1.117.353.572 \text{ đồng}$

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của Bệnh viện, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Sửa phần nghĩa vụ thanh toán tiền của Bệnh viện tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/KDTM-ST ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình theo hướng như đã nhận định trên.

[2.3]. Xét yêu cầu phản tố của bị đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án Bệnh viện có đơn yêu cầu Công ty phải bồi thường thiệt hại cho Bệnh viện trong việc thực hiện Hợp đồng số 315 để thực hiện gói thầu cung cấp vật tư sửa chữa hệ thống nước RO số 2 cho Bệnh

viện với tổng số tiền là 2.462.483.500 đồng (*Hai tỷ bốn trăm sáu hai triệu bốn trăm tám ba nghìn năm trăm đồng*). Bệnh viện đã cung cấp tài liệu, thể hiện:

1/ Chi hỗ trợ một phần chi phí cán bộ Bệnh viện Bạch mai trong thời gian hỗ trợ kỹ thuật tại đơn nguyên thận nhân tạo = 9.000.000 đồng

2/ Thanh toán tiền thuê tẩy rửa, khử trùng màng RO1 hệ thống nước Ro đơn nguyên TNT = 8.000.000 đồng.

3/ Chi bồi thường cho các nạn nhân tử vong trong sự cố y khoa ngày 29/5/2017 = 450.000.000 đồng.

4 Thuê xe đưa bệnh nhân đi lọc máu tại hà Nội (xe 29 chỗ x 18 chuyến) = 45.000.000 đồng

5/ Thuê xe đưa bệnh nhân đi lọc máu tại hà Nội (xe 29 chỗ x 08 chuyến) = 20.000.000 đồng.

6/ Thuê xe đưa bệnh nhân đi lọc máu tại hà Nội (xe 29 chỗ x 18 chuyến) = 45.000.000 đồng.

7/ Thuê xe đưa bệnh nhân đi lọc máu tại hà Nội (xe 29 chỗ x 29 chuyến) = 70.600.000 đồng.

8/ Chi hỗ trợ tập thể, cá nhân đoàn viên, công đoàn sau sự cố y khoa ngày 29/5/2017 = 32.000.000 đồng.

9/ Chuyển tiền cho đơn vị cung cấp dịch vụ xét nghiệm nước RO = 65.308.000 đồng.

10/ Chuyển tiền 50% giá trị hợp đồng cho đơn vị cung cấp dịch vụ bảo trì bảo dưỡng hệ thống RO = 46.090.000 đồng.

11/ Chuyển tiền thanh toán tư vấn giám sát xây lắp công trình XD và lắp đặt hệ thống RO1 và RO2= 6.940.000 đồng.

12/ Chuyển 60% giá trị còn lại của Hợp đồng cung cấp dịch vụ sửa chữa máy chạy thận = 54.840.000 đồng.

13/ Chuyển tiền cho đơn vị tháo dỡ máy chạy thận, hệ thống Ro = 42.200.000 đồng.

14/ Chuyển tiền cho đơn vị cung cấp vật tư, thi công lắp đặt đường ống dẫn khí đơn nguyên TNT= 33.093.500 đồng.

15/ Chuyển tiền thanh toán tư vấn thiết kế công trình cải tạo sửa chữa đơn nguyên TNT = 31.801.000 đồng.

16/ Chuyển tiền thanh toán tư vấn điều hành QLDA công trình cải tạo sửa chữa đơn nguyên TNT = 12.947.000 đồng.

17/ Chuyển tiền thanh toán tư vấn giám sát công trình cải tạo sửa chữa đơn nguyên TNT = 12.959.000 đồng.

18/ Chuyển tiền thanh toán tư vấn điều hành QLDA công trình xây dựng và lắp đặt hệ thống RO1 và RO2= 20.369.000 đồng.

19/ Chuyển tiền thanh toán tư vấn thiết kế bản vẽ thi công công trình xây dựng và lắp đặt hệ thống RO1 và RO2= 53.040.000 đồng.

20/ Chuyển tiền thuê dịch vụ luật sư = 120.000.000 đồng.

21/ Chuyển tiền thanh toán cải tạo sửa chữa đơn nguyên TNT= 408.304.000 đồng.

22/ Chuyển tiền 50% giá trị hợp đồng thi công xây lắp công trình và lắp đặt hệ thống lọc nước RO1 và RO2 = 387.666.000 đồng.

23/ Mua hoá chất, dịch lọc cấp cứu bệnh nhân =99.860.000 đồng

24/ Chuyển tiền 50% giá trị hợp đồng thi công xây lắp công trình và lắp đặt hệ thống lọc nước RO1 và RO2 = 387.666.000 đồng.

Cấp sơ thẩm, sau khi nhận đơn yêu cầu phản tố của Bệnh viện và tài liệu, chứng cứ kèm theo, xét thấy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án đã thông báo cho để Bệnh viện nộp tiền tạm ứng án phí. Ngày 06/02/2020 Bệnh viện đã nộp tiền tạm ứng án phí, cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết yêu cầu này là đúng với quy định tại Điều 200, Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, khi giải quyết cấp sơ thẩm đã lại có những nhận định:

- Căn cứ vào Điều 589 của Bộ luật dân sự (2015) yêu cầu phản tố để bù trừ nghĩa vụ của Bệnh viện được xác định là “Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

- Bệnh viện đề nghị Công ty phải bồi thường thiệt hại cho Bệnh viện trong việc thực hiện Hợp đồng số 315 để thực hiện gói thầu cung cấp vật tư sửa chữa hệ thống nước RO số 2 cho Bệnh viện với tổng số tiền là 2.462.483.500 đồng là không có cơ sở bởi lẽ 02 Hợp đồng 1810 và 1688 không liên quan đến Hợp đồng 315 không phát sinh quyền và nghĩa vụ làm cơ sở để bù trừ nghĩa vụ giữa 02 Hợp đồng 1810 và 1688 với Hợp đồng số 315. Do đó, yêu cầu phản tố để bù trừ nghĩa vụ của bị đơn không phù hợp với các quy định tại khoản 2 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Thiệt hại do sự cố y khoa ngày 29/5/2017 đã được giải quyết bằng Bản án đã có hiệu lực pháp luật số 20/2019/HS-PT ngày 19/06/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình. Bản án đã xác định rõ mức độ lỗi, hậu quả của các hành vi vi phạm pháp luật để xảy ra sự cố y khoa ngày 29/5/2017 là của các bị cáo, đồng thời xác định rõ trách nhiệm nghĩa vụ bồi thường thiệt hại của các bị cáo trong vụ án. Theo đó, các pháp nhân liên quan là Bệnh viện và Công ty Thiên Sơn có trách nhiệm bồi thường thiệt hại thay các bị cáo là người của pháp nhân mình gây ra. Như vậy, hậu quả sự cố y khoa xảy ra ngày 29/5/2017 tại Bệnh viện đã được giải quyết bằng Bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Nhận định như vậy, thì khi giải quyết vụ án Tòa án phải căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự để Đình chỉ giải quyết với căn cứ

“Sự việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án”. Tuy nhiên căn cứ vào hồ sơ vụ án cho thấy tại bản án hình sự sơ thẩm số 08 ngày 30/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hoà Bình có ghi phần yêu cầu của Bệnh viện đa khoa tỉnh Hoà Bình buộc Công ty Thiên Sơn bồi thường thiệt hại số tiền 2.462.483.500 đồng (B1 119), nhưng nội dung này chưa được án sơ thẩm và sau đó là phúc thẩm đề cập giải quyết, như vậy có căn cứ để xác định sự việc chưa được giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án, án sơ thẩm nhận định là không đúng.

Về đánh giá chứng cứ: Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự mà không xem xét đánh giá tài liệu, chứng cứ mà Bệnh viện đã giao nộp để chứng minh các khoản mà Bệnh viện đã chi, không đúng theo quy định tại Điều 108 Bộ luật tố tụng dân sự: *“(1) Việc đánh giá chứng cứ phải khách quan, toàn diện, đầy đủ và chính xác; (2) Tòa án phải đánh giá từng chứng cứ, sự liên quan giữa các chứng cứ và khẳng định tính hợp pháp, tính liên quan, giá trị chứng minh của từng chứng cứ”*.

Cho thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ các vấn đề có liên quan đến yêu cầu phản tố của Bệnh viện, việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, dẫn đến phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm là chưa đủ cơ sở vững chắc, không phù hợp với quy định của pháp luật, gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Tại phiên toà phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được.

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự cần hủy một phần bản án sơ thẩm (phần quyết định: Bác toàn bộ yêu cầu phản tố nghĩa vụ bù trừ của Bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình đối với Công ty về việc bồi thường thiệt hại số tiền là 2.462.483.500đ (*Hai tỷ bốn trăm sáu hai triệu bốn trăm tám ba nghìn năm trăm đồng*) đối với Hợp đồng số: 315/TS-BVĐKT ký ngày 25/5/2017. tại Bản án số dân sự sơ thẩm số 07/2020/KDTM-ST ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình giải quyết lại phần yêu cầu của Bệnh viện theo theo thủ tục sơ thẩm.

[3]. Công ty có trách nhiệm bàn giao 05 máy thận nhân tạo của Hợp đồng số:1810/HĐTM ngày 01/11/2013 và Hợp đồng số:1688/HĐTM ngày 24/11/2014 cho Bệnh viện khi đã thanh toán đủ số tiền là 1.117.353.572 đồng cho Công ty. (Hiện tại 04 máy Bệnh viện đang quản lý còn 01 máy Công ty đang quản lý).

[4]. Nghĩa vụ chịu án phí:

Do cấp phúc thẩm sửa phần thanh toán trả tiền của Bệnh viện đối với Công ty, căn cứ vào 26, 27, Điều 29 Nghị quyết 326 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng

dân sự về Nghĩa vụ chịu án phí dân sự. Hội đồng xét xử sửa lại phần chịu án phí sơ thẩm dân sự cho Bệnh viện và Công ty, cụ thể:

Bệnh viện phải thanh toán số tiền: 1.174.460.642 đồng = 47.233.819 đồng án phí.

Công ty không được chấp nhận số tiền: 228.909.748 đồng x 5% = 11.445.487 đồng án phí.

Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm bị sửa và hủy một phần nên người kháng cáo là Bệnh viện không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Chấp nhận yêu cầu một phần kháng cáo của bị đơn là Bệnh viện;

Căn cứ vào các Điều 504; Điều 505; Điều 506; Điều 507 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự (2015); Điều 303 của Luật Thương mại (2005); Điều 30; Điều 31; Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 157 và 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Sửa phần nghĩa vụ thanh toán của Bệnh viện tại bản án sơ thẩm số 07/2020/KDTM-ST ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, cụ thể:

1. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Công ty về yêu cầu Bệnh viện thanh toán tiền theo hợp đồng và thanh lý 2 Hợp đồng số: 1810/HĐTM ngày 01/11/2013 và Hợp đồng số:1688/HĐTM ngày 24/11/2014. Buộc Bệnh viện phải thanh toán số ca máy chạy thận chưa thanh toán tương đương với số tiền là **1.117.353.572 đồng** (*Một tỷ, một trăm mười bảy triệu, ba trăm năm ba nghìn, năm trăm bảy hai đồng*) cho Công ty.

2. Không chấp nhận phần khởi kiện của Công ty về yêu cầu Bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình thanh toán tiền theo 02 hợp đồng số: 1810/HĐTM ngày 01/11/2013 và Hợp đồng số:1688/HĐTM ngày 24/11/2014 với số tiền là **228.909.748 đồng**

3. Bác toàn bộ yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với 2 Hợp đồng số:1810/HĐTM ngày 01/11/2013 và Hợp đồng số:1688/HĐTM ngày 24/11/2014 của Bệnh viện.

4. Công ty có trách nhiệm bàn giao 05 máy thận nhân tạo của Hợp đồng số:1810/HĐTM ngày 01/11/2013 và Hợp đồng số:1688/HĐTM ngày 24/11/2014 cho Bệnh viện khi đã thanh toán đủ số tiền là 1.117.353.572 đồng

cho Công ty. (Hiện tại 04 máy Bệnh viện đang quản lý còn 01 máy Công ty đang quản lý).

5. Về chi phí thẩm định: Bệnh viện phải chịu 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Số tiền này đã chi phí nay Bệnh viện có trách nhiệm thanh toán trả lại cho Công ty.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi xuất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong các khoản tiền.

- **Hủy một phần bản án:** Phần quyết định Bác toàn bộ yêu cầu phản tố nghĩa vụ bù trừ của Bệnh viện đối với Công ty về việc bồi thường thiệt hại số tiền là 2.462.483.500đ (Hai tỷ bốn trăm sáu hai triệu bốn trăm tám ba nghìn năm trăm đồng) đối với Hợp đồng số: 315/TS-BVĐKT ký ngày 25/5/2017 tại Bản án sơ thẩm số 07/2020/KDTM-ST ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình giải quyết lại phần yêu cầu của Bệnh viện theo theo thủ tục sơ thẩm.

- **Về án phí:**

Án phí sơ thẩm:

- Bệnh viện phải chịu 47.233.819 đồng.

- Công ty phải chịu 11.455.487 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 26.998.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số: 0006601 ngày 07/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Công ty 15.542.513 đồng.

- Về số tiền Bệnh viện đã nộp 40.600.000 đồng tiền tạm ứng án phí (phản tố) theo biên lai thu số: 0006630 ngày 06/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình được xử lý khi giải quyết lại vụ án.

Án phí phúc thẩm:

Bệnh viện không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Bệnh viện số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp: 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004046 ngày 30/10/2020 và 1.700.000 theo biên lai thu số 0004108 ngày 30/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 06.4.2021.

Nơi nhận:

- Tòa án NDCC tại Hà Nội;
- Viện KSNDCC tại Hà Nội;
- Viện KSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND T.P Hòa Bình;
- TAND T.P Hòa Bình;
- Chi cục THADS T.P Hòa Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TH, tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Tuấn

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Dụ Trần Thanh Hải

Nguyễn Quang Tuấn